

Số: 64/2022/QĐST-DS

Biên Hòa, ngày 22 tháng 09 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 07 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 12/09/2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn: Ông Trần Văn Ph, sinh năm: 1974.**

Địa chỉ: ấp Ph, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**Ông Phi ủy quyền cho ông Nguyễn Mạnh L, sinh năm: 1983**

Địa chỉ: 395, Nguyễn Tri Ph, khu phố Nh, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022 có công chứng của văn phòng công chứng Đông Thành phố

- **Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1932.**

Địa chỉ: 173, tổ 8, ấp T, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

**Ông Ninh ủy quyền cho ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1996**

Địa chỉ: 173, tổ 8, ấp T, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Theo văn bản ủy quyền ngày 18/03/2022 có công chứng của văn phòng công chứng Trần Thị Thu Th

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: 173, tổ 8, ấp T, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/07/2019 có xác nhận của văn phòng luật sư Mai Thị Kim S giữa ông Trần Văn Ph và ông Nguyễn Văn T về việc chuyển nhượng phần diện tích đất 113,7m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 299 tờ bản đồ số 27 phường Ph thành phố B tỉnh Đồng Nai

theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ557633 ngày 14/12/2018 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho bà Nguyễn Thị M đến ngày 21/01/2019 tặng cho ông Nguyễn Văn N được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh B cập nhật theo hồ sơ số 009573.TA.002 mã vạch 2637719000188.

Ông Trần Văn Ph có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn N phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/07/2019 có xác nhận của văn phòng luật sư Mai Thị Kim S giữa ông Trần Văn Ph và ông Nguyễn Văn T.

Theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất số 6602/2022 ngày 22/08/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh B thì phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/07/2019 có xác nhận của văn phòng luật sư Mai Thị Kim S giữa ông Trần Văn Ph và ông Nguyễn Văn T trên có diện tích là 110m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc ( 58,59,60,61,58).

Trên phần diện tích đất 110m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc ( 58,59,60,61,58) Theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất số 6602/2022 ngày 22/08/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh B không có tài sản và cũng không có nhân khẩu nào đang sinh sống.

Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Ph số tiền 550.000.000đ.( Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.700.000đ ( Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) ông Ph đồng ý chịu.( Số tiền này đã được giải quyết xong)

**Án phí DSHGT:**

**Án phí không có giá ngạch:** 300.000đ ông Ph đồng ý chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001258 ngày 25/01/2022.

**Án phí có giá ngạch:** 13.000.000đ( Mười ba triệu đồng) . Ông Ph và ông N mỗi người đồng ý chịu 6.500.000đ ( Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) Ông N là người cao tuổi có đơn xin miễn nên được miễn. Hoàn trả ông Ph 6.500.000đ ( Sáu triệu năm trăm nghìn đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001260 ngày 25/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến ngày thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 BLDS năm 2015.

**3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Mộng Hà**